

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 79/2022/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 121/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định trong quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước.
2. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.
3. Đơn vị sự nghiệp công lập.
4. Đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh có sử dụng ngân sách địa phương hỗ trợ để đầu tư, mua sắm tài sản.
5. Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.
6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công theo đề nghị của cơ quan, đơn vị mua sắm (chủ đầu tư), cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) và Giám đốc Sở Tài chính:

- a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);
- b) Xe ô tô và các loại phương tiện vận tải khác;
- c) Các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 lần mua sắm (một gói thầu);
- d) Các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân đóng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình từ nguồn ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 lần mua sắm (một gói thầu).

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có giá trị dưới 01 tỷ đồng/01 lần mua sắm (một gói thầu) của đơn vị mình và từ 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng/01 lần mua sắm (một gói thầu) của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm (một gói thầu).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm (một gói thầu) của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quyết định mua sắm các loại tài sản, hàng hóa, dịch vụ trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này có giá trị dưới 300 triệu đồng/01 lần mua sắm (một gói thầu).

Trình tự, thủ tục mua sắm tài sản thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật đấu thầu và các quy định khác của pháp luật có liên quan.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, đơn vị:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của cơ quan, đơn vị thuê trụ sở, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) và Giám đốc Sở Tài chính;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê trụ sở làm việc đối với cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, đơn vị thuê trụ sở và Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 5 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, đơn vị theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính hoặc kiến nghị của cơ quan chức năng gồm:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác;

c) Tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện hoặc kiến nghị của cơ quan chức năng.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 4 Điều 6 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển các loại tài sản theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản và đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính:

a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);

b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản

không phải tài sản quy định tại khoản 1 Điều này giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản, cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản và Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản bán, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) và Giám đốc Sở Tài chính bao gồm:

- a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất);
- b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 5 Điều 8 như sau:

“1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) và Giám đốc Sở Tài chính gồm:

- a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và các tài sản khác gắn liền với đất phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- b) Xe ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- c) Các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý đối với:

- a) Trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất không phải tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 tài sản theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý và Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện;
- b) Các tài sản được quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 50 triệu đồng đến dưới 300 triệu đồng/01 tài sản của các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý và Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý và Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.”

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Thẩm quyền mua sắm tài sản công từ nguồn thu được để lại sử dụng tại đơn vị, Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tài sản khác có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên/01 lần mua sắm (một gói thầu);

b) Thủ trưởng đơn vị quyết định mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) có giá trị dưới 02 tỷ đồng/01 lần mua sắm (một gói thầu)."

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

"Điều 18. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động của Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 3 Quy định này."

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

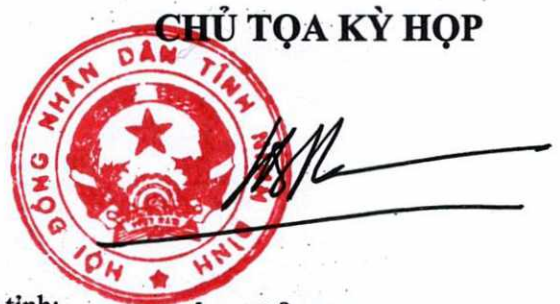
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN các huyện, thành phố;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, phòng CTHĐND.



CHỦ TỌA KỲ HỌP

PHÓ CHỦ TỊCH HĐND

Bùi Hoàng Hà